

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

BỘ TÀI CHÍNH

VŨ QUANG PHIÊN

**QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI QUÂN KHU 3
BỘ QUỐC PHÒNG**

Chuyên ngành : Tài chính - Ngân hàng

Mã số : 9.34.02.01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2019

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện Tài chính**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS,TS. Nguyễn Trọng Nhân
2. TS. Phạm Đức Hồng**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án
cấp Học viện, họp tại Học viện Tài chính**

Vào hồi giờ....., ngày..... tháng..... năm.....

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn đầu tư XDCB là một bộ phận chủ yếu và rất quan trọng trong toàn bộ vốn đầu tư quốc gia; chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi NSNN hàng năm. Vai trò quan trọng của nó không những đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội mà còn trong cả lĩnh vực quốc phòng - an ninh. Hàng năm, nhà nước thực hiện chi một khoản không nhỏ cho XDCB, đó là các công trình phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ và chiến đấu của Quân đội, vì vậy, việc sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm vốn đầu tư XDCB là vấn đề mang tính cấp bách. Trong thời gian qua đây, nhà nước và BQP đã ban hành nhiều văn bản pháp quy về quản lý và sử dụng vốn đầu tư XDCB, đảm bảo đúng mục đích, kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

Bên cạnh những mặt đạt được, công tác quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN trong Quân đội nói chung và Quân khu 3 nói riêng vẫn còn những hạn chế nhất định như: qui hoạch tổng thể còn chưa thật chính xác; đầu tư dàn trải, manh mún; hồ sơ, qui trình thanh, quyết toán vốn đầu tư XDCB từ NSNN vẫn còn thiếu sót và lãng phí vẫn còn xảy ra, bộ máy quản lý công kênh, chồng chéo, trình độ đội ngũ cán bộ quản lý chưa đồng đều... dẫn đến hiệu quả vốn đầu tư XDCB từ NSNN chưa cao. Xuất phát từ lý do trên, NCS đã chọn đề tài **“Quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu 3 - BQP”** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sỹ kinh tế.

2. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là đề xuất quan điểm, các giải pháp và điều kiện thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu 3 - BQP đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 có luận cứ khoa học, có tính khả thi cao.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, hệ thống hóa và phân tích làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về vốn đầu tư XDCB và quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN.

Hai là, tổng hợp, phân tích và minh chứng làm rõ thực trạng quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu 3 - BQP về kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

Ba là, xây dựng hệ thống mục tiêu, quan điểm, các giải pháp và điều kiện thực hiện các giải pháp tăng cường quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu 3 đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 có luận cứ khoa học, có tính khả thi.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài luận án là những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN trong quân đội.

Phạm vi nghiên cứu đề tài luận án:

Phạm vi nội dung nghiên cứu: luận án tiếp cận nghiên cứu quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN theo chu trình quản lý NSNN, theo đó quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN gồm: lập kế hoạch vốn đầu tư, tổ chức thực hiện kế hoạch vốn đầu tư, quyết toán vốn đầu tư, thanh tra và kiểm tra trong quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN, với chủ thể quản lý là Bộ Tư lệnh Quân khu 3.

Phạm vi không gian và thời gian: luận án nghiên cứu tại Quân khu 3; về thực trạng khảo sát số liệu trong giai đoạn 2012 - 2018; về quan điểm và các giải pháp đề xuất được nghiên cứu áp dụng đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

5. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận nghiên cứu luận án được sử dụng là phương pháp luận nghiên cứu khoa học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

Các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể được sử dụng nghiên cứu luận án là nghiên cứu các số liệu thứ cấp, thống kê, phân tích, tổng hợp, minh chứng... để làm sáng tỏ các vấn đề nghiên cứu theo mục tiêu nghiên cứu của đề tài đặt ra.

6. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu gồm 4 chương.

Chương 1: Tổng quan các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án;

Chương 2: Lý luận chung về quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN;

Chương 3: Thực trạng quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu 3;

Chương 4: Giải pháp tăng cường quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu 3.

Chương 1

TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ĐÃ CÔNG BỐ

1.1.1. Các nghiên cứu có liên quan đến quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

1.1.2. Những nghiên cứu liên quan đến quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong quân đội

1.2. KHOẢNG TRỐNG TRONG CÁC NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.2.1. Khoảng trống trong các nghiên cứu

Qua tổng quan cho thấy, các công trình khoa học được triển khai và đạt được những mục tiêu đã đặt ra. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một công trình khoa học, đề tài luận án nào triển khai nghiên cứu về quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN đối với một đơn vị quân đội cụ thể nói chung và Quân khu 3 nói riêng, với các đặc điểm đặc thù riêng như: có loại vốn thanh toán qua KBNN, có loại vốn thanh toán qua hệ thống tài chính quân đội.

1.2.2. Câu hỏi nghiên cứu

- Lý luận cơ bản về quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN nói chung, tại các đơn vị Quân đội nói riêng?

- Những đặc điểm đặc thù của Quân đội ảnh hưởng đến quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN như thế nào?

- Kết quả, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN tại Quân khu 3-BQP?

- Quan điểm trong quản lý vốn đầu tư XDCCB?

- Để tăng cường quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN ở Quân khu 3 trong thời gian tới cần phải làm gì?

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã tổng quan các nghiên cứu đã công bố có liên quan đến đề tài luận án và đạt được một số kết quả cụ thể sau: Nêu và đánh giá được các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, qua đó chỉ ra những thành quả nổi bật cũng như những mục tiêu cụ thể đạt được của các công trình đó; nhận định những mảng còn trống trong các nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án đã công bố để kết luận sự đúng đắn của việc lựa chọn đề tài nghiên cứu; nêu các câu hỏi nghiên cứu mà đề tài luận án cần tập trung giải quyết.

Chương 2

LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NSNN

2.1. ĐẦU TƯ, ĐẦU TƯ XDCB VÀ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

2.1.1. Đầu tư và đầu tư XDCB từ ngân sách nhà nước

2.1.1.1. Đầu tư và phân loại đầu tư trong nền kinh tế

Đầu tư là việc sử dụng các nguồn lực (bỏ vốn, nhân lực, vật lực vào hoạt động nào đó ở thời điểm hiện tại để nhằm đạt được kết quả, hiệu quả, lợi ích (kinh tế, xã hội) lớn hơn trong tương lai.

Các cách phân loại chủ yếu: (1) Căn cứ vào phương thức và kết quả đầu tư; (2) Căn cứ vào phạm vi sở hữu vốn đầu tư; (3) Căn cứ vào hình thức biểu hiện của sản phẩm đầu tư (4) Căn cứ vào quy mô đầu tư, (5) Nếu căn cứ vào mục đích đầu tư:

2.1.1.2. Đầu tư XDCB và Đầu tư XDCB từ NSNN

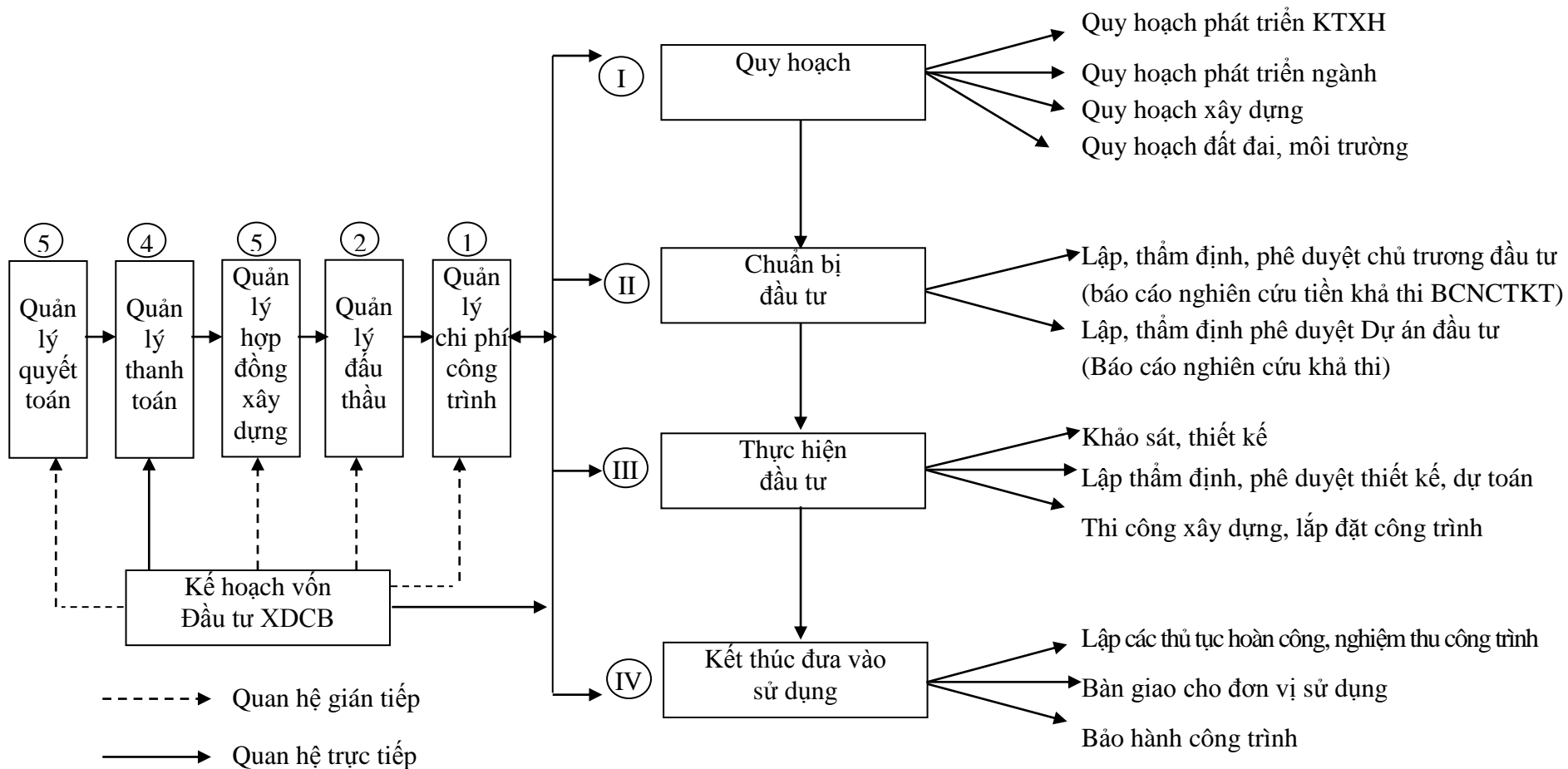
2.1.1.3. Đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước

Đầu tư XDCB từ NSNN là một loại hình đầu tư phát triển, đầu tư công sử dụng vốn NSNN nhằm xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho việc thực hiện các chức năng quản lý của nhà nước.

2.1.2. Dự án đầu tư và quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước

2.1.2.1. Dự án đầu tư

2.1.2.2. Quy trình thực hiện dự án đầu tư



2.1.3. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước

2.1.3.1. Khái niệm vốn đầu tư XDCCB từ ngân sách nhà nước

Vốn ĐTXDCCB là toàn bộ những chi phí đã bỏ ra để đạt được mục đích đầu tư bao gồm: Chuẩn bị đầu tư, chi phí thiết kế và xây dựng, mua sắm, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí khác được ghi trong tổng dự toán".

2.1.3.2. Phân loại vốn đầu tư XDCCB từ ngân sách nhà nước

Căn cứ vào nguồn gốc phát sinh; căn cứ vào phân cấp quản lý; căn cứ vào mục đích sử dụng; căn cứ vào trình tự đầu tư XDCCB; căn cứ vào phương thức huy động; cần phân biệt rõ 2 khái niệm: vốn ĐTXDCCB từ NSNN và vốn đầu tư công.

2.1.4. Đặc điểm sử dụng vốn đầu tư XDCCB từ NSNN

2.1.4.1. Đặc điểm sử dụng vốn đầu tư XDCCB từ NSNN

2.1.4.2. Đặc điểm sử dụng vốn đầu tư XDCCB trong lĩnh vực Quốc phòng,

An ninh

2.2. QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCCB TỪ NSNN

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách Nhà nước

2.2.1.1. Khái niệm quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN

Quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN là hoạt động của chủ thể quản lý thông qua việc sử dụng các phương pháp và công cụ quản lý tác động vào đối tượng quản lý là quá trình phân phối và sử dụng vốn đầu tư XDCCB từ NSNN để điều khiển các hoạt động đầu tư XDCCB có hiệu quả nhằm thực hiện các mục tiêu của Nhà nước.

2.2.1.2. Đặc điểm của quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN

- Quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN phải tuân thủ các Luật và các văn bản quy định về đầu tư XDCCB; phải tuân thủ nghiêm ngặt quy trình hoạt động của đầu tư XDCCB.

- Chủ thể tham gia quản lý rất đa dạng, bao gồm các cơ quan, tổ chức của nhà nước từ trung ương đến địa phương.

- Mục tiêu quản lý là đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, đúng nguyên tắc, đúng tiêu chuẩn, đúng chế độ quy định.

Quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN trong quân đội mang những đặc điểm chủ yếu sau:

Thứ nhất, chủ thể quản lý bao gồm các cơ quan chức năng thuộc BQP; cơ quan tài chính các cấp và các cơ quan chức năng của Nhà nước, UBND địa phương.

Thứ hai, vốn được cấp phát, quản lý theo kế hoạch với một quy trình chặt chẽ; nó có tính chất đặc thù, phức tạp của quá trình đầu tư XDCB trong quân đội.

Thứ ba, không vì mục tiêu lợi nhuận mà hướng tới tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật góp phần nâng cao khả năng huấn luyện SSCĐ và chiến đấu của quân đội.

2.2.2. Nguyên tắc quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN

- Đúng đối tượng
- Thực hiện nghiêm chỉnh trình tự đầu tư và xây dựng, có đủ các tài liệu thiết kế và dự toán được duyệt
- Đúng mục đích, đúng kế hoạch
- Theo mức độ khối lượng thực tế hoàn thành kế hoạch và chỉ trong phạm vi giá dự toán được duyệt

2.2.3. Những yêu cầu và căn cứ trong quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

2.2.3.1. Những yêu cầu quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

Các yêu cầu đối với lập kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư; đối với cấp phát, giải ngân vốn đầu tư XDCB; đối với quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

2.2.3.2. Hệ thống căn cứ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Đơn giá, định mức, các văn bản pháp lý về quản lý đầu tư XDCB là những căn cứ cơ bản trong quản lý vốn đầu tư XDCB.

- Đơn giá XDCB gồm 3 loại: đơn giá tổng hợp; đơn giá khu vực thống nhất; đơn giá cho các công trình riêng biệt.
- Định mức dự toán cho mỗi loại công việc bao gồm 3 nội dung: mức hao phí vật liệu; mức hao phí lao động; mức hao phí máy thi công.

2.2.4. Nội dung quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN

Xét trên góc độ quản lý tài chính gắn với quản lý chu trình NSNN bao gồm các nội dung cơ bản sau:

2.2.4.1. Lập kế hoạch, thẩm tra phân bổ vốn đầu tư XDCB

2.2.4.2. Quản lý chi phí, tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành

2.2.4.3. Quyết toán vốn đầu tư XDCB công trình hoàn thành

2.2.4.4. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán vốn đầu tư XDCB từ NSNN

2.3. CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

2.3.1. Tiêu chí đánh giá sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích

2.3.2. Tiêu chí hệ số huy động tài sản cố định

2.3.3. Tiêu chí đánh giá cơ cấu thành phần của vốn đầu tư

2.3.4. Tiêu chí đánh giá về thanh toán vốn đầu tư

2.3.5. Chỉ tiêu đánh giá về quyết toán vốn đầu tư

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã hệ thống hoá những nhận thức chung về vốn đầu tư XDCB như: khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò của vốn đầu tư XDCB từ NSNN tác động trực tiếp đến quốc phòng - an ninh của mỗi quốc gia; hệ thống hóa những lý luận cơ bản về quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN, qua đó hình thành những luận cứ quan trọng cho việc phân tích, đánh giá thực trạng quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu; đã chỉ rõ những tiêu chí đánh giá quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN, đây là cơ sở cho việc phân tích đánh giá thực tiễn, đồng thời chỉ rõ những tồn tại, nguyên nhân trong công tác quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Quân khu, ở nội dung của chương 3.

Chương 3

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI QUÂN KHU 3 -BQP

3.1. HỆ THỐNG QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG QUÂN ĐỘI

3.1.1. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trong quân đội

3.1.1.1. Hệ thống cơ quan quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trong quân đội

Hiện nay việc quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN tại BQP được giao cho ngành Tham mưu, ngành Hậu cần, ngành Tài chính và ngành Kế hoạch và Đầu tư.

3.1.1.2. Hệ thống cơ quan quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại Quân khu

Việc quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN tại Quân khu thực hiện theo quy định phân cấp, uỷ quyền quyết định dự án đầu tư xây dựng trong BQP được giao cho cơ quan Tham mưu, Hậu cần, Tài chính và Kinh tế.

3.1.2. Hệ thống các quy định pháp lý về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước trong Quân đội

3.1.2.1. Hệ thống các qui định pháp lý về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước của Chính phủ, các Bộ, ngành

Các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý NSNN, vốn đầu tư XDCCB gồm:

- Giai đoạn trước năm 2003;
- Giai đoạn từ năm 2003-2014;
- Giai đoạn 2014-2018;

3.1.2.2. Hệ thống các qui định pháp lý về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước của Quân khu

3.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI QUÂN KHU

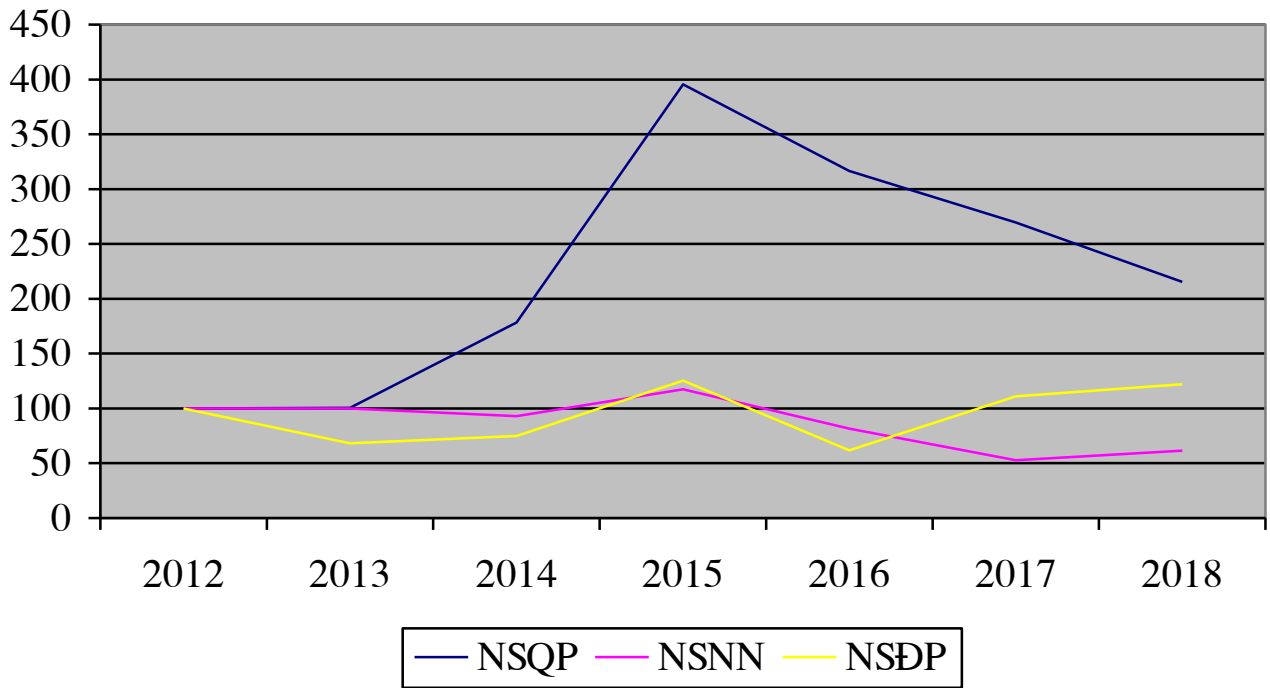
3.2.1. Lập kế hoạch, thẩm tra phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Bảng 3.1. Kế hoạch vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2012-2018

Đơn vị tính: %

TT	Nội dung	Năm						
		2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
	Tổng số:	100	100,57	178,50	395,38	316,56	269,65	215,35
I	Kế hoạch vốn NSQP	100	178,70	539,91	1.410,45	1.237,65	936,97	642,64
1	Công trình Quốc phòng	100	107,90	208,38	576,01	379,61	219,17	206,18
2	Nhà làm việc, sinh hoạt	100	200,51	671,28	1.538,20	1.329,77	1.020,34	734,00
3	Trung tâm điều dưỡng	100	548,50	110,00	1.442,00	4.877,15	3.872,25	3.260,00
4	Bệnh viện, công trình y tế	100	0,00	105,50	7.250,00	6.379,20	4.916,30	766,95
5	Hệ thống nước sạch	100	6,00	0,00	1.528,00	693,16	580,72	10,32
II	Kế hoạch vốn đầu tư tập trung từ NSNN	100	100,11	93,09	117,43	81,60	52,76	61,64
1	Nhà làm việc, sinh hoạt	100	102,16	86,60	96,24	57,27	25,84	31,60
2	Công trình quốc phòng	100	210,44	208,79	300,00	223,57	150,14	205,35
3	Trồng rừng	100	0,00	0,00	102,50	20,06	47,42	47,59
4	Nuôi trồng thủy, hải sản	100	44,24	36,12	72,00	40,55	58,87	88,00
5	Khu kinh tế Quốc phòng	100	105,54	123,21	117,82	131,39	79,11	53,57
III	Kế hoạch vốn NSDP	100	68,08	74,76	125,26	61,80	111,17	122,17
1	Nhà làm việc, sinh hoạt	100	75,02	87,98	148,33	87,11	152,85	173,87
2	Trung tâm giáo dục QP	100	84,36	85,26	106,38	30,16	80,93	79,20
3	Công trình quốc phòng	100	34,26	27,29	73,28	13,84	14,02	6,20

Nguồn: Phòng Tài chính Quân khu



Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ tăng kế hoạch vốn đầu tư XDCB 2012-2018

Nguồn: Cơ quan Tài chính Quân khu

Qua bảng số liệu 3.1 và biểu đồ 3.1 cho thấy, tổng số vốn đầu tư XDCB từ NSNN theo kế hoạch trong Quân khu liên tục tăng, năm cao nhất là 2015 bằng 395,38% so với năm 2012; bình quân cả giai đoạn tăng 195,72%. Theo cơ cấu thì nguồn vốn NSQP có tốc độ tăng liên tục và cao nhất, cụ thể đến năm 2015 bằng 1.410,45% so với năm 2012, sau đó tốc độ tăng bắt đầu giảm dần, đến năm 2018 bằng 642,64% so với năm 2012; bình quân cả giai đoạn tăng 224,38%. Trong nguồn vốn NSQP thì phần vốn dành cho nhà làm việc, trung tâm điều dưỡng, bệnh viện, công trình y tế có tỷ lệ phát triển cao nhất. Tiếp đến là nguồn vốn từ NSDP có tốc độ phát triển không đều. Xét về cơ cấu thì phần vốn đầu tư dành cho nhà làm việc và sinh hoạt là tăng nhiều. Vốn đầu tư từ NSNN có xu hướng giảm dần, so với năm 2012 thì năm 2017 chỉ bằng 52,76%.

3.2.2. Quản lý chi phí, tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành

3.2.2.1. Cấp phát tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua hệ thống tài chính của quân đội

Bảng 3.2. Cơ cấu vốn đầu tư XDCCB theo nguồn giai đoạn 2012-2018

Đơn vị: %

TT	Nội dung	Năm								Tổng cộng
		2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018		
	Tổng số:	100	100	100	100	100	100	100	100	100
I	Vốn NSQP	21,19	37,65	64,09	75,59	82,85	73,63	63,23	68,32	
1	Công trình QP	4,66	5,00	5,44	6,79	5,59	3,79	4,47	5,36	
2	Nhà làm việc, sinh hoạt	15,49	30,89	58,26	60,28	65,08	58,63	52,81	55,37	
3	TT điều dưỡng	0,32	1,73	0,20	1,16	4,90	4,56	4,81	2,89	
4	Bệnh viện, công trình y tế	0,32	0,00	0,19	5,83	6,40	5,79	1,13	3,96	
5	Hệ thống nước sạch	0,40	0,02	0,00	1,54	0,87	0,86	0,02	0,74	
II	Vốn đầu tư tập trung từ NSNN	28,25	28,13	14,74	8,39	7,28	5,53	8,09	10,95	
1	Nhà làm việc, sinh hoạt	15,41	15,66	7,48	3,75	2,79	1,48	2,26	4,92	
2	Công trình QP	2,89	6,05	3,38	2,19	2,04	1,61	2,76	2,58	
3	Trồng rừng	1,53	0,00	0,00	0,40	0,10	0,27	0,34	0,31	
4	Nuôi trồng THS	3,97	1,75	0,80	0,72	0,51	0,87	1,62	1,12	
5	Khu KTQP	4,45	4,67	3,07	1,33	1,85	1,31	1,11	2,02	
III	Vốn NSDP	50,56	34,22	21,17	16,02	9,87	20,84	28,68	21,42	
1	Nhà làm việc, SH	31,14	23,23	15,35	11,68	8,57	17,65	25,14	16,41	
2	TT giáo dục QP	8,80	7,38	4,20	2,37	0,84	2,64	3,24	3,18	
3	Công trình QP	10,62	3,62	1,62	1,97	0,46	0,55	0,31	1,82	

Qua bảng số liệu 3.2 và biểu đồ 3.2 cho thấy trong cơ cấu vốn kế hoạch cho đầu tư XDCCB tại Quân khu thì nguồn vốn NSQP luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong các năm kế hoạch, bình quân cả giai đoạn là 68,32%, tiếp đến là nguồn vốn từ NSDP chiếm tỷ trọng là 21,42%. Trong đó, năm 2012 và 2013

nguồn NSDP chiếm tỷ trọng lớn nhất lần lượt là 50,56% và 34,22% và sau đó bắt đầu giảm dần; nguồn NSQP chiếm tỷ trọng nhỏ nhất (năm 2012 là 21,19%) nhưng từ 2013 đến 2018 nguồn NSQP tăng mạnh và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn chi cho đầu tư XDCB tại Quân khu, cụ thể năm 2016 chiếm tới 82,85%, năm 2015 là 75,59%. Nguồn NSNN đầu tư luôn chiếm tỷ trọng nhỏ và tỷ trọng có xu hướng giảm, năm 2017 chỉ chiếm 5,53%.

Bảng 3.3. Tỷ lệ vốn đầu tư XDCB cấp phát cho các chủ đầu tư so với kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2018

Đơn vị: %

TT	Nội dung	Năm							Tổng cộng
		2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	
I	Vốn NSQP	98,88	99,68	99,96	99,97	99,98	99,99	99,97	99,94
1	Công trình QP	99,49	98,74	99,90	99,97	99,94	99,97	99,96	99,85
2	Nhà làm việc, sinh hoạt	98,72	99,85	99,97	99,98	99,99	99,99	100,00	99,96
3	Trung tâm điều dưỡng	100,00	99,82	97,73	99,86	99,96	99,99	99,92	99,93
4	Bệnh viện, công trình y tế	100,00	99,07	99,53	99,97	99,99	99,98	98,77	99,92
5	Hệ thống nước sạch	96,00	100,00	100,00	99,48	99,95	99,94	100,00	99,58

Nguồn: Phòng Tài chính Quân khu

Bảng số liệu 3.3 cho thấy giai đoạn 2012-2018, số vốn đầu tư XDCB từ NSQP cấp phát trực tiếp cho các chủ đầu tư đã liên tục tăng. Cơ quan tài chính các cấp đã cấp cho các chủ đầu tư gần bằng kế hoạch. Cụ thể, tính chung cả giai đoạn tỷ lệ cấp so với kế hoạch đạt 99,94%, năm cao nhất là 2017 đạt 99,99% ; năm thấp nhất cũng đạt tỷ lệ 99,68% đó là năm 2013.

3.2.2.2. Cấp phát tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản qua hệ thống Kho bạc Nhà nước

Các dự án còn lại thực hiện theo quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư XDCB (phương thức cấp qua KBNN). Chủ đầu tư có trách nhiệm đăng ký mở tài khoản tại KBNN, để tiến hành giao dịch.

Bảng 3.4. Tỷ lệ vốn đầu tư XDCB cấp phát qua KBNN cho các chủ đầu tư so với kế hoạch vốn giai đoạn 2012-2018

Đơn vị: %

TT	Nội dung	Năm							
		2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	Tổng cộng
	Tổng số	98,54	97,88	98,60	97,27	99,80	99,70	99,95	98,74
I	Vốn đầu tư tập trung từ NSNN	96,51	97,78	98,61	97,85	99,59	99,74	99,88	98,34
1	Nhà làm việc, sinh hoạt	94,85	96,97	99,40	99,62	99,19	99,91	99,67	98,05
2	Công trình quốc phòng	94,51	97,39	97,63	97,80	99,78	99,91	99,95	98,34
3	Trồng rừng Biên giới - Hải đảo	97,81	102,15	100,00	94,42	99,84	98,97	99,72	98,73
4	Nuôi trồng thủy, hải sản	100,00	99,46	99,67	92,22	99,93	99,33	100,00	98,55
5	Khu kinh tế Quốc phòng	100,00	98,98	97,10	97,00	99,89	99,77	100,00	98,80
II	Vốn NSDP	99,67	97,97	98,60	96,97	99,94	99,70	99,97	98,95
1	Nhà làm việc, sinh hoạt	99,97	98,98	98,72	96,55	99,99	99,66	99,97	99,08
2	Trung tâm giáo dục QP	100,00	97,00	97,88	98,23	99,56	99,99	99,98	98,87
3	Công trình quốc phòng	98,50	93,45	99,23	97,90	99,78	99,27	99,86	97,91

Nguồn: Phòng Tài chính Quân khu

Số vốn cấp qua KBNN gồm: vốn đầu tư tập trung từ NSNN và vốn NSDP hỗ trợ cho nhiệm vụ quân sự quốc phòng địa phương để cấp phát cho các chủ đầu tư, Qua bảng số liệu 3.3 cho thấy tỷ lệ vốn đầu tư XDCB cấp phát qua KBNN so với kế hoạch vốn đầu tư XDCB đã xây dựng đạt tỷ lệ khá cao, bình

quân cả giai đoạn vốn đầu tư tập trung từ NSNN đạt 98,74%; vốn NSDP đạt 98,95% và tính chung đạt tỷ lệ 98,74%. Xem xét theo thời gian cho thấy tỷ lệ cấp phát vốn so với kế hoạch ngày càng tăng chứng tỏ các chủ đầu tư đã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, qui trình giải ngân tốt hơn.

3.2.3. Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

3.2.3.1. Dự án do Bộ Quốc phòng phê duyệt đầu tư

Bảng 3.5 Tỷ lệ giá trị quyết toán so với số đề nghị quyết toán các dự án tại Quân khu do BQP phê duyệt

Đơn vị tính: %

TT	Năm Danh mục	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	TB
		1	<i>Bộ Quốc phòng phê duyệt</i>	99,21	98,33	99,32	98,32	99,32	99,31
1	Dự án, công trình nhóm A	97,44	98,33	98,95	93,60	95,89	98,09	99,16	97,60
2	Dự án, công trình nhóm B	99,36	0,00	99,40	99,17	99,83	99,56	98,90	99,29
3	Dự án, công trình nhóm C	98,66	0,00	99,26	92,66	98,29	98,45	98,55	98,31

Nguồn: Phòng Tài chính Quân khu

Qua bảng số liệu 3.5 về tỷ lệ giá trị quyết toán so với số đề nghị quyết toán các dự án do BQP phê duyệt cho thấy tất cả 3 loại dự án nhóm A, B, C đều không được duyệt quyết toán hết 100% theo đề nghị. Tính bình quân cả giai đoạn tỷ lệ giá trị quyết toán so với số đề nghị quyết toán đạt 99,06%. Các dự án nhóm B có tỷ lệ cao nhất là 99,29% và thấp nhất là các dự án nhóm A chỉ đạt 97,6%.

3.2.3.2. Dự án Bộ ủy quyền Quân khu phê duyệt đầu tư

Qua bảng số liệu 3.6 về tỷ lệ giá trị quyết toán so với số đề nghị quyết toán các dự án do BQP ủy quyền cho Quân khu phê duyệt cho thấy 2 loại dự án nhóm B, C đều không được duyệt quyết toán hết 100% theo đề nghị. Tính bình quân cả giai đoạn tỷ lệ giá trị quyết toán so với số đề nghị quyết toán đạt 98,28%. Các dự án nhóm C có tỷ lệ cao nhất là 98,63% và thấp nhất là các dự án nhóm A chỉ đạt 96,62%; có năm như 2017 chỉ đạt 92,16%.

Bảng 3.6 Tỷ lệ giá trị quyết toán so với số đề nghị quyết toán các dự án do Quân khu phê duyệt

Đơn vị tính: %

TT	Năm Danh mục	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	BQ
		1	Quân khu phê duyệt	96,38	96,70	97,44	96,52	99,12	97,18
1	Dự án, công trình nhóm A	100,00	100,00	99,59	91,37	99,07	92,16	100,00	96,62
2	Dự án, công trình nhóm B	94,31	-	-	94,95	-	-	97,94	97,50
3	Dự án, công trình nhóm C	97,83	96,57	96,78	97,84	99,12	97,40	99,06	98,63

Nguồn: Phòng Tài chính Quân khu

3.2.3.3. Dự án Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) hoặc quận (huyện, thị) phê duyệt đầu tư

Bảng 3.7. Tỷ lệ giá trị quyết toán so với số đề nghị quyết toán các dự án do UBND tỉnh, Thành phố phê duyệt

Đơn vị tính: %

TT	Năm Danh mục	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	BQ
		1	UBND tỉnh, Thành phố phê duyệt	96,38	96,70	97,44	96,52	99,12	97,18
1	Dự án, công trình nhóm A	100,00	100,00	99,59	91,37	99,07	92,16	100,00	96,62
2	Dự án, công trình nhóm B	94,31	-	-	94,95	-	-	97,94	97,50
3	Dự án, công trình nhóm C	97,83	96,57	96,78	97,84	99,12	97,40	99,06	98,63

Nguồn: Phòng Tài chính Quân khu

3.2.4. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán

Trong quản lý đầu tư XDCB tại Quân khu các cơ quan quản lý Nhà nước có chức năng thanh tra, kiểm tra các dự án đầu tư XDCB bao gồm: (1) Thanh tra BQP, (2) Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán BQP (3) Thanh tra quốc phòng Quân khu. Vẫn còn một số dự án đầu tư XDCB còn vướng mắc, sai lỗi xảy ra.

Bảng 3.8. Số tiền thanh toán thiếu căn cứ pháp lý

TT	Dự án công trình	% Số tiền TT	Thủ tục hồ sơ còn thiếu
1	Đường cơ động số 1	16,70	Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán được duyệt, hồ sơ quản lý chất lượng công trình không đầy đủ theo quy định
2	Công trình cấp chiến dịch A	18,86	Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán được duyệt, hồ sơ quản lý chất lượng công trình không đầy đủ theo quy định
3	Đường cơ động số 2	7,01	Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán được duyệt, hồ sơ quản lý chất lượng công trình không đầy đủ theo quy định
4	Công trình cấp chiến dịch B	34,23	Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán được duyệt, hồ sơ quản lý chất lượng công trình không đầy đủ theo quy định
5	Đường cơ động số 3	21,58	Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán được duyệt, hồ sơ quản lý chất lượng công trình không đầy đủ theo quy định
6	Công trình cấp chiến dịch C	1,53	Thiếu chứng từ thanh toán
	Tổng cộng	100	

Nguồn: Phòng Tài chính Quân khu

Qua bảng trên cho thấy, trong các dự án được thanh tra, kiểm toán đã phát hiện còn thiếu căn cứ pháp lý để thanh quyết toán, các dự án này cần phải bổ sung hoàn thiện chứng từ; trong đó giá trị các công trình làm đường chiếm tới 45,3% tổng giá trị số tiền thanh toán thiếu cơ sở pháp lý; còn lại là các công trình xây dựng nhà làm việc, doanh trại.

Bảng 3.9. Tổng hợp lỗi sai trong giải ngân, thanh quyết toán vốn đầu tư

TT	Tên dự án, công trình (gói thầu) sai phạm	Nội dung lỗi sai	% Số tiền thu hồi nộp NSNN
I	Công trình đặc thù QP		13,40
1	Công trình quốc phòng	Thanh, quyết toán sai khối lượng	13,40
II	Công trình phổ thông		86,60
1	Công trình làm đường số 1	TT sai đơn giá	14,21
2	Nuôi trồng thủy sản số 1	TT sai đơn giá	20,45
3	Nhà làm việc cơ quan	TT sai định mức, đơn giá	1,19
4	Công trình làm đường số 2	TT sai khối lượng	10,67
5	Công trình làm đường số 3	TT sai đơn giá cấp phối	11,22
6	Công trình làm đường số 4	TT sai đơn giá cấp phối móng đường	2,72
7	Công trình làm đường số 5	TT sai đơn giá cấp phối móng đường	1,93
8	Công trình làm đường số 6	TT sai đơn giá cấp phối móng đường	0,91
9	Dự án XD doanh trại số 1	TT sai khối lượng san nền	2,28
10	Dự án XD doanh trại số 2	TT sai khối lượng san nền	3,13
11	Nuôi trồng thủy sản số 2	TT sai khối lượng	17,90
	Tổng cộng		100

Nguồn: Phòng Tài chính Quân khu

Theo bảng trên, trong tổng số tiền của lỗi sai phải thu hồi thì các công trình đặc thù quốc phòng chiếm 13,4% còn lại các công trình phổ thông chiếm tới 86,6%. Các lỗi sai chủ yếu là thanh toán sai khối lượng hoàn thành (47,38%); thanh toán sai định mức, đơn giá được duyệt (52,62%).

3.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCB TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI QUÂN KHU 3

3.3.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, góp phần đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất, phục vụ cho công tác huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và xây dựng Quân đội.

Thứ hai, phân cấp trong BQP đã tạo chủ động cho Tư lệnh quân khu triển khai công tác quản lý vốn đầu tư XDCB.

Thứ ba, thông qua quyết toán hai bước, hạn chế thất thoát, lãng phí trong đầu tư XDCB.

Thứ tư, hệ thống tổ chức bộ máy quản lý luôn được kiện toàn góp phần quản lý chặt chẽ, có hiệu quả vốn đầu tư của nhà nước trong quân khu.

3.3.2. Những hạn chế

3.3.2.1. Hạn chế trong khâu lập kế hoạch, thẩm tra phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

Công tác lập kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư XDCB hiện vẫn còn mang tính hình thức, chưa sát với nhu cầu thực tế và tình hình giải ngân của các dự án; việc phân bổ vốn mang tính chia theo tỷ lệ vốn của dự án, tình trạng dàn trải trong bố trí kế hoạch vốn đầu tư còn chưa được khắc phục.

3.3.2.2. Hạn chế trong khâu cấp phát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

Công tác tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư XDCB còn chậm về hoàn chỉnh thủ tục đầu tư và thủ tục đấu thầu, nhất là dự án phải điều chỉnh tổng mức đầu tư, điều chỉnh thiết kế - dự toán, trình duyệt khối lượng phát sinh của dự án, gói thầu.

3.3.2.3. Hạn chế trong khâu quyết toán vốn đầu tư

Hiện nay quyết toán vốn đầu tư còn chậm, diễn ra ở tất cả các khâu của quá trình quyết toán.

3.3.2.4. Những hạn chế về mặt tổ chức bộ máy, về trình độ phẩm chất cán bộ

Bộ máy quản lý vốn đầu tư XDCB trong Quân khu gồm nhiều cơ quan, nhưng cơ cấu bộ máy chồng chéo, vốn đầu tư chia thành nhiều mảng chỉ đạo; việc phân bổ, điều chỉnh kế hoạch phải phối hợp với nhiều cơ quan.

3.3.3. Nguyên nhân của hạn chế

3.3.3.1. Trong lập kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Do công tác quy hoạch tổng thể chưa được chính xác, dẫn đến tình trạng phải điều chỉnh lại quy hoạch, quy hoạch từ những năm trước không có tính kế thừa phát triển, việc bố trí kế hoạch vốn không phù hợp với tiến độ thực hiện dự án.

3.3.3.2. Trong khâu cấp phát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

Các dự án XDCB thông thường được thanh toán qua KBNN nhưng việc quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền của BQP.

Với các dự án thực hiện cấp vốn qua hệ thống tài chính của BQP cũng tạo ra những khó khăn trong kiểm soát cho cơ quan tài chính.

3.3.3.3. Trong khâu quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

Một là, ý thức chấp hành chưa nghiêm túc, coi nhẹ khâu quyết toán khi công trình đã hoàn thành.

Hai là, vẫn có hiện tượng một số chủ đầu tư, nhà thầu tăng khối lượng trình duyệt quyết toán so với giá trị thực hiện.

3.3.3.4. Về mặt tổ chức bộ máy, về trình độ phẩm chất cán bộ

Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý công tác XDCCB chưa cao. Chủ đầu tư, ban quản lý dự án chưa được tiêu chuẩn hóa.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 đã phân tích toàn diện các nội dung quản lý đầu tư XDCCB, đã làm rõ những vấn đề sau:

Thứ nhất, đã khái quát hệ thống quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN trong Quân đội.

Thứ hai, luận án đã khảo sát phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng quản lý vốn đầu tư XDCCB từ NSNN tại Quân khu trong giai đoạn 2012 - 2018.

Thứ ba, luận án đã đánh giá và phân tích cụ thể những thành công, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong quản lý vốn đầu tư XDCCB từ nguồn NSNN tại quân khu.

Chương 4

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCCB TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI QUÂN KHU 3 - BQP

4.1. NHU CẦU ĐẦU TƯ XDCCB VÀ MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XDCCB TỪ NSNN TẠI QUÂN KHU 3 GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

4.1.1. Nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản tại Quân khu 3

Nhu cầu vốn đầu tư XDCCB trong thời gian tới tại Quân khu là rất lớn.

4.1.2. Quan điểm và mục tiêu tăng cường quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại Quân khu 3

- Mục tiêu đầu tư phát triển trong toàn quân khu.
- Xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết cho việc đầu tư phát triển quốc phòng - an ninh; có dự trữ, dự phòng đáp ứng trong mọi tình huống.

- Tập trung cải thiện tốt hơn nhu cầu sinh hoạt vật chất, tinh thần cho cán bộ chiến sĩ.

Thực hiện các mục tiêu nêu trên, cần quán triệt các quan điểm sau:

- Tiếp tục đầu tư XDCB cho các đơn vị mới thành lập, các đơn vị cơ sở thuộc biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

- Đầu tư tập trung, có trọng điểm, phù hợp với khả năng cân đối vốn của Nhà nước. Đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh theo quy hoạch đáp ứng nhu cầu hiện tại và có dự kiến cho 10 - 15 năm sau.

- Xây dựng cơ sở vật chất cho cơ quan Quân khu ổn định đến năm 2030.

- Kiện toàn công tác tổ chức của hệ thống quản lý vốn đầu tư XDCB từ Quân khu đến các đơn vị, địa phương.

- Tiếp tục nghiên cứu phân cấp, uỷ quyền, cải cách thủ tục hành chính, đồng thời tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra, giám sát đảm bảo trật tự, kỷ cương và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư XDCB.

- Nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định phê duyệt dự án.

4.2. CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI QUÂN KHU 3

4.2.1. Hoàn thiện lập kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản

- Chú trọng hơn nữa công tác quy hoạch hệ thống, tổng thể, khắc phục tình trạng xây dựng giai đoạn sau phá vỡ ý tưởng của giai đoạn trước.

- Kiên quyết không quyết định đầu tư tràn lan, khi chưa xác định được nguồn vốn để hoàn thành dự án.

- Cần công khai những quy định về các tiêu chí ưu tiên phân bổ vốn; Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, theo thứ tự ưu tiên.

4.2.2. Hoàn thiện cấp phát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Một là, chấp hành theo đúng quy định của Luật NSNN, các Nghị định của Chính phủ.

Hai là, thanh toán, thu hồi vốn tạm ứng hợp đồng xây dựng phải được ghi rõ trong hợp đồng.

Ba là, xây dựng phương pháp kiểm tra, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XDCB cụ thể theo tình hình thực tế.

4.2.3. Hoàn thiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản

- Làm rõ qui trình, nội dung, thời gian, cũng như trách nhiệm của chủ đầu tư và các cơ quan liên quan

- Tăng số lượng các dự án thuê kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán.

- Tăng cường, đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành sử dụng vốn Nhà nước.

- Xây dựng cơ chế ủy quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư mới.

- Thường xuyên trao đổi kinh nghiệm và tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thẩm tra quyết toán vốn đầu tư; tăng cường cơ sở vật chất cho bộ phận quyết toán vốn đầu tư.

4.2.4. Hoàn thiện kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản

4.2.4.1. Kiểm tra, kiểm soát việc lập, phê duyệt dự án đầu tư, tổng dự toán

- Đối với công tác lập dự án đầu tư, lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán.

- Đối với công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán.

4.2.4.2. Kiểm tra kiểm soát trong khâu lựa chọn nhà thầu

Việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu và tổ chức lựa chọn nhà thầu phải quán triệt và chấp hành nghiêm Luật Đấu thầu; việc lựa chọn nhà thầu phải được tiến hành chặt chẽ, công khai, minh bạch.

4.2.4.3. Kiểm tra kiểm soát quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Rà soát lại các dự án đã nộp hồ sơ quyết toán thuộc thẩm quyền Quân khu phê duyệt; Đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư XDCB. Tăng số lượng các dự án thuê kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo quyết toán.

4.2.5. Các giải pháp khác

4.2.5.1. Tăng cường công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án

4.2.5.2. Tăng cường công tác đấu thầu

4.2.5.3. Tăng cường tạo nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

4.2.5.4. Tăng cường công tác nghiệm thu và quản lý chất lượng công trình

4.2.5.5. Giải pháp về phía các chủ đầu tư tại Quân khu 3

4.2.5.6. Giải pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn của cán bộ tham gia hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản

4.3. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP

4.3.1. Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và kiện toàn tổ chức bộ máy về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

4.3.1.1. Cần nhận thức lại một số khái niệm về đầu tư công, dự án đầu tư công và vốn đầu tư công

4.3.1.2. Về thời hạn thanh toán khối lượng hoàn thành dự án đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

4.3.1.3. Về tổ chức bộ máy quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

4.3.1.4. Hoàn thiện hệ thống văn bản qui phạm pháp luật về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước

4.3.2. Thực hiện nghiêm pháp luật đề ra, xây dựng và hoàn thiện cơ chế thưởng phạt nghiêm minh

Có chế định đề cao trách nhiệm và xử lý trách nhiệm cá nhân trong từng khâu đầu tư; Quy định cụ thể quy trình, chế tài về thanh tra, kiểm tra, giám sát nguồn vốn đầu tư XDCB từ NSNN, trong từng khâu của quá trình đầu tư.

4.3.3. Hoàn thiện công tác quy hoạch trong đầu tư XDCB

Trong quy hoạch cần xác định rõ kế hoạch các nguồn vốn đầu tư, trên cơ sở đó phân chia lĩnh vực đầu tư thuộc nguồn vốn từ NSNN. Để nâng cao chất lượng quy hoạch cần phải lưu ý một số nội dung:

KẾT LUẬN CHƯƠNG 4

Xuất phát từ thực tế của quản lý vốn đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN ở Quân khu 3, từ yêu cầu về xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu trong những năm tới, luận án đã đề xuất mục tiêu tổng quát để tăng cường quản lý vốn đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN đến năm 2025; chỉ ra các yêu cầu và phương hướng tăng cường quản lý vốn đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN ở Quân khu.

Đồng thời luận án đã đề xuất các giải pháp tăng cường quản lý đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN ở Quân khu đến năm 2025. Liên quan đến các giải pháp này, luận án cũng khuyến nghị hoàn thiện môi trường luật pháp, cơ chế chính sách, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ quản lý.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu quản lý vốn đầu tư XDCB từ NSNN trên địa bàn quân khu, luận án đã đạt được những kết quả chủ yếu sau:

- Luận án đã tìm hiểu một cách tương đối toàn diện về vốn đầu tư XDCB từ NSNN trong Quân đội, từ đặc điểm, phân loại, vai trò đến các nguyên tắc, tiêu chí đánh giá và nội dung quản lý đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN.

- Luận án đã phân tích thực trạng quản lý đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN ở Quân khu. Từ đó, đánh giá những mặt đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân của hạn chế trong công tác quản lý đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN tại Quân khu trong những năm gần đây.

- Đồng thời luận án đã đưa ra 5 nhóm giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tăng cường công tác quản lý đầu tư XDCB từ nguồn vốn NSNN trong thời gian tới ở Quân khu.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Vũ Quang Phiến (2019), Về công tác quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước tại Quân khu 3, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 20 tháng 7 năm 2019
2. Vũ Quang Phiến (2019), Tăng cường quản lý ngân sách xây dựng cơ bản, Tạp chí Tài chính Quân đội, số 4 (251) năm 2019
3. Vũ Quang Phiến, Vũ Nam Khánh (2019), Quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở sư đoàn bộ binh 395, Quân khu 3 – Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần Quân sự, số 3 (197) tháng 6 năm 2019
4. Vũ Quang Phiến (2012), Thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài đến năm 2020, Tạp chí nghiên cứu Tài chính kế toán, số 7 (108) năm 2012.